TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 274/2024/HNGĐ-ST
Ngày 22 - 11 - 2024
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Xuân Trúc
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Công Minh
Bà Đoàn Thị Bảy

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Cà Mau tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Trong 22 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 527/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc "xin ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 324/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn*: Bà P A H; Sinh năm 1983
Địa chỉ cư trú: Số 1, Hẻm B, đường M Đ C, khóm A, phường B, thành phố CM, tỉnh CM. (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông T N Y. Sinh năm 1983. Địa chỉ thường trú: Số 1, Hẽm B, đường M Đ C, khóm A, phường B, thành phố CM, tỉnh CM; Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Cái Tàu thuộc Cục C10, Bộ Công An địa chỉ ấp A, xã K A, huyện U M, tỉnh CM. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Về hôn nhân:* Bà P A H và ông T N Y tự nguyện chung sống vào năm 2003, đến ngày 20/02/2003 thì có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận kết hôn số 17/2003. Theo bà H quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Y không chăm lo cho gia đình, đến năm 2017 ông Y bắt giam nên mâu thuẫn càng trầm trọng, không hòa giải được nên bà Ánh Hồng yêu cầu được ly hôn với ông Y. Đối với ông T N Y thừa nhận vợ

chồng có xảy ra mâu thuẫn do ông đã bị bắt giam từ ngày 29/11/2017 đến nay tình cảm vợ chồng không còn nên ông Y thống nhất ly hôn theo yêu cầu bà H.

- *Về con chung:* Bà H và ông Y xác định có 02 người con chung tên T Q M, sinh ngày 01/7/2003 và T B M A, sinh ngày 27/10/2007. Hiện cháu Quang Minh đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với T B M A cả hai thỏa thuận giao cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục, không yêu cầu ông Y cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Bà H và ông Y xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Bà H và ông Y xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Đại diện kiểm sát phát biểu quan điểm:*** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật, không vi phạm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 28, 217, 227, 228, 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa bà H và anh Y. Về con chung: Giao cháu T B M A, sinh ngày 27/10/2007 cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng, anh Y không cấp dưỡng, anh Y được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở, đối với cháu T M Q, sinh ngày 01/7/2003 hiện đã trưởng thành nên không xem xét. Về tài sản chung: Không có, về nợ chung: Không có. Về án phí hôn nhân và gia đình bà H phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của bà P A H được xác định là tranh chấp về việc xin ly hôn theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T N Y có đơn yêu cầu xin không hòa giải và yêu cầu được giải quyết vắng ông Y. Do đó Tòa án căn cứ vào Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét đơn khởi kiện của bà P A H thấy rằng, bà H, ông Y tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 20/02/2008 tại Ủy ban nhân dân phường 5, thành phố Cà Mau nên hôn nhân này là hợp pháp được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống ông Y, bà H đều xác định có phát sinh nhiều mâu thuẫn. Đối với ông Trần Minh Ý đã vi phạm pháp luật, bị bắt giam và chấp hành án từ năm 2017 đến nay. Bản thân ông Y cũng xác định vợ, chồng không còn tình cảm nên thống nhất thuận tình ly hôn theo yêu cầu bà H. Xét sự

thỏa thuận thuận tình ly hôn của ông Y, bà H là phù hợp với qui định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thuận tình ly hôn của bà P A H và ông T N Y.

[3] Về con chung: Bà P A H và ông T N Y xác định có 02 người con chung tên T Q M, sinh ngày 01/7/2003 và T B M A, sinh ngày 27/10/2007. Hiện T Q M đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với T B M A cả hai thỏa thuận giao cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục, không yêu cầu ông Y cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự và phù hợp với quy định pháp luật và phù hợp nguyện vọng của T B M A nên chấp nhận. Ông T N Y được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà P A H và ông T N Y xác định không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Bà H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 217, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận về việc thuận tình hôn nhân giữa bà P A H và ông T N Y.

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung tên T B M A, sinh ngày 27/10/2007 cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng, ông T N Y không cấp dưỡng nuôi. Ông T N Y được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Đối với T Q M, sinh ngày 01/7/2003 đã trưởng thành nên không giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà P A H và ông T N Y xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, bà P A H phải chịu. Bà H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0009411 vào ngày 09/10/2024, được đối trừ, bà H đã nộp đủ.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

- VKSND thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

Trịnh Xuân Trúc